

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày 18-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Công;

Ông Nguyễn Văn Xuôi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tọa lạc tại khóm 4, thị trấn C, huyện c, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2019/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lữ Văn H, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi sinh và cư trú: Ấp An H, xã An Phú T, huyện Cầu K, tỉnh V; nghề nghiệp mua bán; trình độ học vấn lớp 7; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lữ Đồng T (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); anh chị em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1991; vợ Nguyễn Thị Anh N, sinh năm 1983 (đã ly hôn); con có 02 người cùng sinh năm 2006; tiền án 03 lần. Ngày 18/11/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử phúc thẩm xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 02/6/2013; ngày 18/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh T xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 29/8/2014 và ngày 17/12/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 22/01/2019; tiền sự không; bị cáo Lữ Văn H hiện đang bị Tòa án nhân dân tỉnh G tạm giam về hành vi phạm tội độc lập khác.

2. Phạm Minh Tr, sinh năm 1992 (có mặt).

Nơi sinh và cư trú: Ấp Tiên H, xã Tiên L, huyện Th, tỉnh Tr; nghề nghiệp không; trình độ học vấn lớp 7; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Th (chết); vợ Thạch Thị

Đa Q, sinh năm 1993; con có 02 người, lớn sinh năm 2012 và nhỏ sinh năm 2014; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 26/4/2019 và tạm giam từ ngày 2/5/2019 cho đến nay.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh Tr:* Ông Phạm Thanh Ph là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V (có mặt).

- *Người bị hại:*

1/ Ông Vũ Ngọc Ph, sinh năm 1984 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Nguyệt L, xã Bình P, huyện C, V.

2/ Ông Dư Văn C, sinh năm 1978 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

3/ Bà Thạch Thị Mỹ H, sinh năm 1983 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Đồng nơi cư trú: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh V.

- *Đại diện gia đình bị cáo:* Bà Thạch Thị Đa Q, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Tiên H, xã Tiên L, huyện Th, tỉnh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ, ngày 25/02/2019, Lữ Văn H điều khiển xe mô tô biển số 84K1-139.95, nhãn hiệu Exciter từ thành phố Hồ Chí Minh về huyện Châu Th, tỉnh Tr để chở Phạm Minh Tr đi trộm cắp tài sản như đã hẹn trước. Sau khi rước Tr thì H điều khiển xe chở Tr đi về tỉnh V. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì H và Tr đi đến trước cửa nhà của ông Vũ Ngọc Ph cách Hương lộ 6 khoảng 8,4 mét thuộc ấp Nguyệt L, xã Bình Ph, huyện C, tỉnh V, H phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 84B1-161.55, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS Alpha, màu sơn đỏ đen bạc của ông Vũ Ngọc Ph đang dựng phía trước nhà không có người trông giữ và trên xe có gắn sẵn chìa khóa, H và Tr nảy sinh ý định lấy trộm xe. Tr ngồi trên xe mô tô biển số 84K1-139.95 đợi còn H đi đến vị trí xe mô tô biển kiểm soát 84B1-161.55 dùng tay bật mở khóa, khởi động xe rồi điều khiển xe đi theo hướng cầu Cỏ Ch về huyện Mỏ Cày N, tỉnh Tr đi về nhà của Tr ngủ. Đến sáng ngày 26/02/2019, Tr điều khiển xe trộm được còn H điều khiển xe Exciter đi đến thành phố Hồ Chí M để bán xe nhưng khi đi đến địa phận tỉnh A, Tr đậu xe cặp lề đường để đi vệ sinh, sau khi đi vệ sinh xong trở ra thì phát hiện xe bị mất.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 06 giờ, ngày 02/3/2019, Phạm Minh Tr đi xe khách từ tỉnh Tr về đến thành phố V, tỉnh V thì gặp Lữ Văn H chờ sẵn do đã có hẹn trước. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển số 84K1-139.95, nhãn hiệu Exciter chở Tr đi từ thành phố V đi về xã H, huyện C. Khi đi đến ấp Giồng B, xã H, huyện C, tỉnh V, lúc này khoảng 12 giờ cùng ngày thì H và Tr phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 84L1-317.42, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn xanh đen bạc của ông Dư Văn C và bà Thạch Thị Mỹ H đang dựng dưới mé ruộng cách Hương lộ 6 khoảng 4,8 mét không có người trông giữ, nên Tr và H liền nảy sinh ý định lấy trộm xe, sau khi tới lui quan sát, Tr ngồi trên xe chờ còn H đi bộ đến nơi

để xe mô tô biển kiểm soát 84L1-317.42 dùng cây vít đem theo vặn ổ khóa xe, khởi động được xe và điều khiển đi về hướng huyện T. Khi đến huyện T thì Hộ và Tr đổi xe. H kêu Tr điều khiển xe đi thành phố Hồ Chí M để bán do H biết nguồn tiêu thụ xe nên Tr điều khiển chiếc xe trộm được đi thành phố Hồ Chí M, sau đó H liên lạc qua điện thoại với một thanh niên không rõ họ tên địa chỉ thỏa thuận bán xe trộm được, H yêu cầu người mua xe giữ lại dùm H số tiền 2.500.000 đồng, số tiền còn lại đưa cho Tr, đồng thời hẹn địa điểm giao xe tại Bệnh viện tỉnh A, sau đó H kêu Tr đến điểm đã hẹn trên để giao xe, khi giao xe Tr chỉ nhận được số tiền 1.000.000 đồng từ người mua. Sau đó, H liên lạc với người mua xe nhận số tiền 2.500.000 đồng. Số tiền có được, H và Tr tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 385/KL.ĐGTS ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: xe mô tô biển kiểm soát 84B1-161.55 của ông Vũ Ngọc Ph tại thời điểm bị chiếm đoạt, trị giá 10.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 384/KL.ĐGTS ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: xe mô tô biển kiểm soát 84L1-317.42 của ông Dư Văn C và bà Thạch Thị Mỹ H tại thời điểm bị chiếm đoạt, trị giá 12.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKSCL, ngày 11/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Lữ Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Phạm Minh Tr về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lữ Văn H và bị cáo Phạm Minh Tr hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và thừa nhận hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 16 giờ, ngày 25 tháng 02 năm 2019 trước cửa nhà của ông Vũ Ngọc Ph cách hương lộ khoảng 8,4 mét, thuộc ấp Nguyệt B, xã Bình Ph, huyện C, Lữ Văn H và Phạm Minh Tr lấy trộm của ông Vũ Ngọc Ph 01 xe mô tô biển số 84B1-161.55 trị giá 10.000.000đ và khoảng 12 giờ, ngày 02 tháng 3 năm 2019, tại ấp Giồng B, xã H, huyện C, tỉnh V, Lữ Văn H và Phạm Minh Tr lấy trộm của ông Dư Văn C và bà Thạch Thị Mỹ H 01 xe mô tô biển số 84L1-317.42 trị giá 12.000.000đ. Tổng giá trị tài sản hai bị cáo chiếm đoạt là 22.000.000đ

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Lữ Văn H từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù, về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật được Tòa án có thẩm quyền tổng hợp hình phạt. Đối với bị cáo Phạm Minh Tr, vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản

2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Minh Tr từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo là ngày 27/9//2018. Ngoài ra, vì còn đề nghị giải quyết trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng và án phí theo quy định pháp luật.

Quan điểm của vị Trợ giúp viên Trợ giúp pháp lý cho bị cáo Phạm Minh Tr: Vị hoàn toàn thống nhất với điều khoản và tội danh mà bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố đối với bị cáo Phạm Minh Tr. Tuy nhiên vì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tr như sau: Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tự thú hành vi phạm tội trước đó, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thiệt hại tài sản không lớn, hoàn cảnh gia đình thuộc diện hộ nghèo, con còn nhỏ, có bác ruột tên Phạm Văn S được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bản thân bị cáo không phải là người giữ vai trò chính trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị cáo liên đới với Lữ Văn H bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Về án phí đề nghị cho bị cáo Tr được miễn theo quy định của pháp luật

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, Trợ giúp pháp lý, các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo Lữ Văn H và bị cáo Phạm Minh Tr, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đồng thời thống nhất với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xảy ra sự việc, bản kết luận của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Lời nhận tội của các bị cáo, Lữ Văn H và Phạm Minh Tr tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo những người bị hại tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh V thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố bị cáo Lữ Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 và bị cáo Phạm Minh Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, tư trang, tiền bạc, xe mô tô ... là do quá trình lao động một nắng hai sương mới có được. Các bị cáo là thanh niên có sức khỏe, đủ khả năng lao động để tạo ra nguồn thu nhập hợp pháp phục vụ cho nhu cầu sống của bản thân và gia đình, nhưng không tích cực lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra sức lao động, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của những người bị hại trong việc quản lý tài sản, đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể, vào khoảng 18 giờ ngày 25/02/2019, tại ấp Nguyệt B, xã Bình Ph, huyện C, tỉnh V, hai bị cáo đã trộm xe mô tô biển kiểm soát 84B1-161.55, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius Alphal, màu sơn đỏ đen bạc của người bị hại tên Vũ Ngọc Ph có giá trị là 10.000.000 đồng và vào khoảng 12 giờ ngày 02/3/2019 tại ấp Giồng B, xã H, huyện C, tỉnh V, lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 317.42, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn xanh đen bạc của vợ, chồng người bị hại tên Dư Văn C, Thạch Thị Mỹ H có giá trị 12.000.000 đồng. Tổng tài sản có giá trị là 22.000.000 (Hai mươi hai triệu đồng).

[5]. Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của hai bị cáo là đồng phạm giản đơn, nhưng hành vi thực hiện phạm tội của từng bị cáo khác nhau. Đối với bị cáo Lữ Văn H giữ vai trò chính khi thực hiện, như rữ rê, chọn nơi thực hiện, trực tiếp thực hiện và chia tiền. Bị cáo Phạm Minh Tr là người giúp sức theo chỉ dẫn của bị cáo H. Hành vi của hai bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Bản thân hai bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ tham lam, tư lợi, dẫn đến hai bị cáo phạm tội.

Bản thân bị cáo Lữ Văn H đã có tiền án 03 tiền án; vào ngày 18/11/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử phúc thẩm, phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 02/6/2013; ngày 18/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Gi, tỉnh Tr xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 29/8/2014 và ngày 17/12/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tr xét xử phúc thẩm xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 22/01/2019, các lần phạm tội này chưa được xóa án tích, đáng lẽ ra bị cáo phải biết ăn năn hối cải, sửa chữa lỗi lầm để trở thành người tốt. Lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và phạm tội nhiều lần theo Điều 53 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Minh Tr là người cùng với bị cáo H liên tiếp thực hiện 02 hành vi trộm cắp là tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Hành vi phạm tội của hai bị cáo thể hiện rất xem thường pháp luật và bị cáo Lữ Văn H thuộc thành phần khó cải tạo. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần phải xử lý các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của từng bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Lữ Văn H và bị cáo Phạm Minh Tr, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét:

Bị cáo Lữ Văn H, sau khi phạm tội thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tự thú về hành vi thực hiện phạm tội trước đó; gia đình có công với cách mạng, cha ruột ông Lữ Đồng T được tặng Huân chương kháng chiến hạng 3, mẹ ruột bà Nguyễn Thị Ngh được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen; hoàn cảnh gia đình gia đình có phần đơn chiếc, khó khăn. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra còn xem xét nguyên tắc có lợi cho bị cáo khi lượng hình là hành vi phạm tội của bị cáo ở huyện G, tỉnh Gi, số tiền 29.730.000đ, được Tòa án huyện G, tỉnh Gi xử bằng một bản án độc lập với thời hạn là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; đồng thời về định lượng tổng giá trị tài sản tại huyện G và tại huyện C, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 51.730.000đ, Hội đồng xét xử, xem xét cho bị cáo khi nghị án.

Bị cáo Phạm Minh Tr, sau khi phạm tội bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tự thú về hành vi thực hiện phạm tội trước đó, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thiệt hại xảy ra không lớn, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình có công với cách mạng, bác ruột là ông Phạm Văn S được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, con còn nhỏ và hoàn cảnh gia đình thuộc hộ nghèo. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do đó ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc hai bị cáo, Lữ Văn H và Phạm Minh Tr có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại ông Vũ Ngọc Ph số tiền 10.000.000 đồng, bồi thường cho anh Dư Văn C và chị Thạch Thị Mỹ H số tiền 12.000.000 đồng.

[8]. Về án phí: Buộc các bị cáo Lữ Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Phạm Minh Tr được miễn toàn bộ án phí do thuộc diện hộ nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lữ Văn H và bị cáo Phạm Minh Tr phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ các Điều 268; Điều 269; Điều 45, Điều 260, Điều 299 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Căn cứ: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được

sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lữ Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, do Tòa án có thẩm quyền tổng hợp hình phạt theo quy định của Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Minh Tr 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo là ngày 26/4/2019.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 587, 588, 589 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lữ Văn H và bị cáo Phạm Minh Tr liên đới bồi thường số tiền 10.000.000đ cho ông Vũ Ngọc Ph và 12.000.000đ cho ông Dư Văn C và bà Thạch Thị Mỹ H.

Án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Lữ Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối với bị cáo Phạm Minh Tr thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo, Lữ Văn H và Phạm Minh Tr có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh V;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- VKSND huyện, tỉnh V;
- Chi cục THADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Tòa án tỉnh G;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mến

